

Số: 10/2019/QĐST-DS

Quận 2, ngày 27 tháng 02 năm 2019.

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ TẠI PHIÊN TÒA**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 2, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH.**

**- Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Đỗ Chí Quang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thu Hằng.

2. Bà Trần Thị Út.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Tuấn Anh, Thư ký Tòa án nhân dân Quận 2.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 2 tham gia phiên tòa:**

Bà Nguyễn Thị Ngọc – Kiểm sát viên.

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 173/2017/TLST-DS ngày 11/07/2017, về việc “*Tranh chấp thừa kế*”, theo Quyết định đưa vụ án dân sự ra xét xử số 02/2019/QĐXXST-DS ngày 14/01/2019 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa sơ thẩm số 03/2019/QĐ-TNPT ngày 01/02/2019.

Căn cứ vào các Điều 212, Điều 213, Điều 235 và Điều 246 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 2, Điều 6, Điều 7, Điều 9, và Điều 30 Luật thi hành án dân sự;

Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

**XÉT THẤY:**

Tại phiên tòa các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa:**

**- Nguyên đơn:**

1/ Ông Hồ Văn A, sinh năm 1960. (*có mặt*)

Cư trú: 34A Đường B, phường C, Quận D, TP. Hồ Chí Minh.

2/ Ông Hồ Văn B, sinh năm 1965. (có mặt)

Cư trú: 96 Đường A, Khu phố B, phường C, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp cho nguyên đơn: Bà Võ Thị Ngọc C, sinh năm 1959.

Địa chỉ liên lạc: 41 đường G, phường C, Quận M, TP. Hồ Chí Minh. Theo Giấy ủy quyền lập ngày 22/6/2017 tại Văn phòng công chứng Phong Phú. (bà L có mặt)

- Bị đơn: Bà Hồ Thị D, sinh năm 1972. (có mặt)

Cư trú: 94 Đường A, Khu phố B, phường C, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Luật sư Lê Văn L của Văn phòng luật sư L, thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh. (Luật sư có mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Bà Hồ Thị E, sinh năm 1958. (có mặt)

Cư trú: 92 Đường A, Khu phố B, phường C, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh.

2/ Bà Hồ Thị G, sinh năm 1962. (có mặt)

Cư trú: 98 Đường A, Khu phố B, phường C, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh.

3/ Bà Hồ Thị H, sinh năm 1967. (có mặt)

Cư trú: 72/4 Đường M, tổ H, Khu phố B, phường C, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh.

4/ Bà Hồ Thị I, sinh năm 1970. (có mặt)

Cư trú: 20/3 Khu phố K, phường C, Quận E, TP. Hồ Chí Minh.

5/ Bà Hồ Thị K, sinh năm 1977. (có mặt)

Cư trú: 151 Tổ A, ấp M, xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai

6/ Ông Hồ Văn L, sinh năm 1979. (có mặt)

Cư trú: 61 Đường 6, phường C, Quận E, TP. Hồ Chí Minh.

7/ Bà Hồ Thị Ngọc M, sinh năm 1983. (có mặt)

Cư trú: 61 Đường 6, phường C, Quận E, TP. Hồ Chí Minh.

8/ Ông Hồ Văn N, sinh năm 1985. (có mặt)

Cư trú: 61 Đường 6, phường C, Quận E, TP. Hồ Chí Minh.

## 2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Các đương sự thống nhất xác nhận quyền sử dụng đất của ông Hồ Văn O và bà Nguyễn Thị Ô tạo lập khi còn sống, sau khi trừ các phần diện tích đất đã chuyển nhượng, đã tặng cho, để lại di chúc hợp pháp cho các con chung, thì di sản thừa kế của ông Hồ Văn O và bà Nguyễn Thị Ô hiện nay gồm các phần diện tích quyền sử dụng đất tọa lạc tại đường Đường A, Khu phố B, phường C, Quận E, TP. Hồ Chí Minh (thuộc thửa số 151, theo Bản đồ hiện trạng vị trí do Trung tâm đo đạc bản đồ Quận E thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh lập ngày 09/01/2019), như sau:

+ Khu I: Diện tích 131,4m<sup>2</sup> (đã trừ phần lộ giới: 23,2m<sup>2</sup>);

+ Khu II: Diện tích 96,4m<sup>2</sup> (đã trừ 0,8m<sup>2</sup> lộ giới, và đã trừ 124,1m<sup>2</sup> theo Giấy

chứng nhận QSDĐ, QSH nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ cấp GCN: CS04310 do Sở Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh cấp cho bà Hồ Thị D và ông Trần Văn Minh);

+ Khu III: Diện tích 182m<sup>2</sup>;

+ Khu IV: Diện tích 207,2m<sup>2</sup> (Toàn bộ diện tích này thuộc quyền sử dụng của bà Hồ Thị I do ông Bử, bà Nào tặng cho, không xác định là di sản thừa kế);

+ Khu V: Diện tích 54,2m<sup>2</sup> (khu mộ hiện hữu);

+ Khu VI: 69,7m<sup>2</sup> (đã trừ 9,5m<sup>2</sup> lộ giới). Toàn bộ diện tích này thống nhất làm lối đi chung.

2.1 *Về di sản thừa kế*: Xác định di sản của ông Hồ Văn O và bà Nguyễn Thị Ô là quyền sử dụng đất 409,8m<sup>2</sup> (*Bốn trăm lẻ chín, phẩy tám mét vuông*) tọa lạc đường Đường A, Khu phố B, phường C, Quận E, TP. Hồ Chí Minh (gồm: Khu I diện tích 131,4m<sup>2</sup>; Khu II diện tích 96,4m<sup>2</sup>; Khu III diện tích 182m<sup>2</sup>).

2.2 *Về người thừa kế*: Thống nhất xác nhận người thừa kế thứ nhất gồm: 07 người (bà Hồ Thị E, ông Hồ Văn A, bà Hồ Thị G, ông Hồ Văn B, bà Hồ Thị H, bà Hồ Thị I, bà Hồ Thị D) và thừa kế thế vị gồm: 04 người (bà Hồ Thị K, ông Hồ Văn L, bà Hồ Thị Ngọc M, ông Hồ Văn N).

2.3 *Phân chia di sản*: Các đương sự thống nhất thỏa thuận tại phiên tòa về phân chia quyền sử dụng đất 409,8m<sup>2</sup> như sau:

+ Chia cho ông Hồ Văn A 100m<sup>2</sup> đất tọa lạc đường Đường A, Khu phố B, phường C, Quận E, TP. Hồ Chí Minh, (tại khu I, thửa số 151 theo Bản đồ hiện trạng vị trí do Trung tâm đo đạc bản đồ Quận E thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh lập ngày 09/01/2019);

+ Chia cho ông Hồ Văn B 200m<sup>2</sup> đất tọa lạc đường Đường A, Khu phố B, phường C, Quận E, TP. Hồ Chí Minh, (tại khu II và III thửa số 151 theo Bản đồ hiện trạng vị trí do Trung tâm đo đạc bản đồ Quận E thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh lập ngày 09/01/2019);

+ Phần diện tích đất còn lại 109,8m<sup>2</sup> các đương sự thống nhất phân chia giá trị bằng tiền thành 08 phần bằng nhau, cho 07 người của hàng thừa kế thứ nhất (gồm bà Hồ Thị E, ông Hồ Văn A, bà Hồ Thị G, ông Hồ Văn B, bà Hồ Thị H, bà Hồ Thị I, bà Hồ Thị D) và 01 phần chia cho 04 người của thừa kế thế vị (gồm bà Hồ Thị K, ông Hồ Văn L, bà Hồ Thị Ngọc M, ông Hồ Văn N).

Thống nhất giao cho ông Hồ Văn A được quyền sử dụng toàn bộ diện tích 131,4m<sup>2</sup> đất tại khu I. Ông Hồ Văn A có trách nhiệm thanh toán trị giá bằng tiền đối với phần diện tích chênh lệch thừa 31,4m<sup>2</sup> (131,4m<sup>2</sup> – 100m<sup>2</sup>) cho các người thừa kế còn lại.

Thống nhất giao cho ông Hồ Văn B được quyền sử dụng toàn bộ diện tích 278,4m<sup>2</sup> đất tại khu II và khu III. Ông Hồ Văn B có trách nhiệm thanh toán trị giá bằng tiền đối với phần diện tích chênh lệch thừa 78,4m<sup>2</sup> (278,4m<sup>2</sup> – 200m<sup>2</sup>) cho các người thừa kế còn lại.

Giao cho ông Hồ Văn B được quyền quản lý, sử dụng căn nhà thờ (diện tích

được xác nhận cụ thể trong khu số III) và giao ông Giang trông coi khu mộ (trong khu IV) theo Bản đồ hiện trạng vị trí do Trung tâm đo đạc bản đồ Quận E thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh lập ngày 09/01/2019;

Các đương sự có quyền chủ động liên hệ đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để thực hiện thủ tục tách thửa, đăng ký quyền sử dụng đất theo yêu cầu, khi quyết định này có hiệu lực pháp luật thi hành.

Thi hành án tại Chi cục Thi hành án có thẩm quyền.

Kết quả định giá của Hội đồng định giá lập ngày 12/10/2018 là 40.000.000đ/m<sup>2</sup> làm cơ sở xác định tính án phí sơ thẩm. Giá trị của quyền sử dụng 109,8m<sup>2</sup> đất sẽ được định giá tại thời điểm thi hành án.

**3. Về nghĩa vụ chậm thi hành án:** Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

**4. Về án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng khác:**

**4.1 Án phí dân sự sơ thẩm:**

- Ông Hồ Văn A chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với giá trị phần tài sản được hưởng. Số tiền án phí phải nộp là 112.549.000 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông A đã nộp 3.750.000 đồng theo Biên lai thu tiền số AE/2014/0008226 ngày 11/07/2017. Ông Hồ Văn A còn phải nộp thêm số tiền 108.799.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự Quận 2, TP. Hồ Chí Minh.

- Ông Hồ Văn B chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với giá trị phần tài sản được hưởng. Số tiền án phí phải nộp là 116.549.000 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông B đã nộp 7.500.000 đồng theo Biên lai thu tiền số AE/2014/0008225 ngày 11/07/2017. Ông Hồ Văn B còn phải nộp thêm số tiền 109.049.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự Quận 2, TP. Hồ Chí Minh.

- Bà Hồ Thị D chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với giá trị phần tài sản được hưởng. Số tiền án phí phải nộp là 25.960.000 đồng, nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự Quận 2, TP. Hồ Chí Minh.

- Bà Hồ Thị E chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với giá trị phần tài sản được hưởng. Số tiền án phí là 25.960.000 đồng nhưng bà E được miễn nộp toàn bộ vì là người cao tuổi, theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

- Bà Hồ Thị G chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với giá trị phần tài sản được hưởng. Số tiền án phí phải nộp là 25.960.000 đồng, nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự Quận 2, TP. Hồ Chí Minh.

- Bà Hồ Thị H chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với giá trị phần tài sản

được hưởng. Số tiền án phí phải nộp là 25.960.000 đồng, nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự Quận E, TP. Hồ Chí Minh.

- Bà Hồ Thị I chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với giá trị phần tài sản được hưởng. Số tiền án phí phải nộp là 25.960.000 đồng, nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự Quận 2, TP. Hồ Chí Minh.

- Bà Hồ Thị K chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với giá trị phần tài sản được hưởng. Số tiền án phí phải nộp là 6.862.500 đồng, nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự Quận 2, TP. Hồ Chí Minh.

- Ông Hồ Văn L chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với giá trị phần tài sản được hưởng. Số tiền án phí phải nộp là 6.862.500 đồng, nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự Quận 2, TP. Hồ Chí Minh.

- Bà Hồ Thị Ngọc M chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với giá trị phần tài sản được hưởng. Số tiền án phí phải nộp là 6.862.500 đồng, nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự Quận 2, TP. Hồ Chí Minh.

- Ông Hồ Văn N chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với giá trị phần tài sản được hưởng. Số tiền án phí phải nộp là 6.862.500 đồng, nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự Quận 2, TP. Hồ Chí Minh.

4.2 Chi phí tố tụng khác: Toàn bộ chi phí về xem xét thẩm định tại chỗ, chi phí lập Hội đồng định giá tài sản tranh chấp, và chi phí về lập bản vẽ chi tiết do ông Hồ Văn A tự nguyện chịu. Ông Hồ Văn A đã nộp đủ các chi phí tố tụng này nên ông A không phải nộp thêm.

5. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

*Nơi nhận:*

- Các đương sự;
- Viện KSND Quận 2;
- Chi cục THA DS Quận 2;
- TAND TP HCM;
- Lưu VT và hồ sơ vụ án;
- Đăng trên Cổng thông tin điện tử Tòa án./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đỗ Chí Quang**

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***Nơi nhận:***

- (Ghi theo quy định tại đoạn 2 khoản 1 Điều 212 của Bộ luật tố tụng dân sự);
  - Lưu hồ sơ vụ án.
- 

**Hướng dẫn sử dụng mẫu số 39-DS:**

(1) Ghi tên Tòa án nhân dân ra quyết định công nhận sự thoả thuận của các đương sự; nếu là Tòa án nhân dân cấp huyện, thì cần ghi rõ Tòa án nhân dân huyện nào thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh H), nếu là Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, thì ghi rõ Tòa án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội).

(2) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm ra quyết định (ví dụ: Số: 56/2016/QĐST-KDTM).

(3) Ghi số ký hiệu và ngày, tháng, năm thụ lý vụ án (ví dụ: Số 50/2016/TLST-KDTM).

(4) Ghi họ tên, tư cách đương sự trong vụ án, địa chỉ nơi cư trú và nơi làm việc của các đương sự theo thứ tự như hướng dẫn cách ghi trong mẫu bản án sơ thẩm.

(5) Ghi đầy đủ lần lượt các thoả thuận của các đương sự về từng vấn đề phải giải quyết trong vụ án đã được thể hiện trong biên bản hoà giải thành (kể cả án phí).

(6) Phần cuối cùng của Quyết định cần phải có đầy đủ chữ ký, họ và tên của các thành viên Hội đồng xét xử (Quyết định này phải lưu vào hồ sơ vụ án); Quyết định gửi cho các đương sự, cơ quan, tổ chức khởi kiện và Viện kiểm sát cùng cấp thì cần ghi như sau:

***Nơi nhận:***

- Đương sự, cơ quan, tổ chức khởi kiện;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**  
*(Ký tên và đóng dấu của Tòa án)*

(Họ và tên)

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN**                      **CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**